

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN SƠN TRÀ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2022/HNGĐ-ST

Ngày 10 tháng 8 năm 2022

V/v "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN SƠN TRÀ, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Hằng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Bá Bảo

Ông Đặng Công Ba

-Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Mỹ Thương - Thư ký Tòa án nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng: Bà Trần Thị Hương Thu - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 10 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 63/2022/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2022 về việc "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 63/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Hà Thị Kim D**, sinh năm 1996
Địa chỉ: K907 đường N, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.
- Bị đơn: Ông **Thân Vĩnh H**, sinh năm 1993
Địa chỉ: Số 32 đường A, phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

-Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Hà Thị Kim D trình bày:

Về hôn nhân: bà Hà Thị Kim D và ông Thân Vĩnh H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Ac, quận S, thành phố Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận kết hôn số 92 ngày 25/5/2018. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại quận Liên Chiểu và sau đó là quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng. Trong thời gian sống chung giữa vợ chồng ông bà có xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông H nghiện chơi trò chơi điện tử, sử dụng ma túy, thường xuyên gây gổ, chửi bới, xúc phạm, đe dọa, bạo hành đánh đập bà D. Tình

trạng mâu thuẫn kéo dài dẫn đến bà D bị trầm cảm trầm trọng. Gia đình bà có khuyên giải nhưng không có kết quả. bà D đã nhiều lần nộp đơn ly hôn sau đó rút đơn để vợ chồng đoàn tụ, tuy nhiên cho đến nay tình trạng hôn nhân vẫn không được cải thiện. Hiện nay ông bà đã sống ly thân. Bà Hà Thị Kim D đã suy nghĩ kỹ, xác định không muốn kéo dài cuộc hôn nhân này nên yêu cầu Toà án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Thân Vĩnh H.

Về con chung: bà Hà Thị Kim D xác định bà và ông Thân Vĩnh H có 01 con chung là Thân Hà Gia V, sinh ngày 17/9/2018. Hiện nay con chung đang sống với bà Hà Thị Kim D. Khi Tòa án giải quyết ly hôn bà xin được nuôi con chung, yêu cầu ông Thân Vĩnh H cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng.

Về tài sản chung và nợ chung: bà Hà Thị Kim D xác định bà và ông Thân Vĩnh H không có.

-Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Thân Vĩnh H trình bày:

Về hôn nhân: Bà Hà Thị Kim D và ông Thân Vĩnh H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận kết hôn số 92 ngày 25/5/2018. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại quận Liên Chiểu và sau đó là quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng. Giữa hai vợ chồng không có những mâu thuẫn như bà D trình bày tuy nhiên ông không tin tưởng bà D về mặt tình cảm. Nay bà D xin ly hôn thì ông không đồng ý, mong được đoàn tụ để vợ chồng cùng nhau nuôi dạy con chung.

Về con chung: ông Thân Vĩnh H xác định ông và bà Hà Thị Kim D có 01 con chung là Thân Hà Gia V, sinh ngày 17/9/2018. Hiện nay con chung đang sống với bà Hà Thị Kim D. Ông không đồng ý ly hôn nên không muốn giải quyết việc nuôi con chung, tuy nhiên trong trường hợp Tòa án chấp nhận đơn yêu cầu của bà D thì ông cũng yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu bà D cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông Thân Vĩnh H xác định ông và bà D không có.

-Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã tuân theo đúng pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử.

Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Thư ký đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình được quy định tại khoản 5 Điều 51 Bộ luật tố tụng dân sự.

Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến thời điểm mở phiên tòa, người tham gia tố tụng là nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 116, 117, 118 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hà Thị Kim D đối với ông Thân Vĩnh H: Về hôn nhân: Cho bà Hà Thị Kim D được ly hôn với ông Thân Vĩnh H. Về con chung: Giao con chung Thân Hà Gia Vỹ, sinh ngày 17/9/2018 cho bà Hà Thị Kim D trực tiếp nuôi dưỡng con chung, ông Thân Vĩnh H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng; Về tài sản chung và nợ chung: bà Hà Thị Kim D và ông Thân Vĩnh H xác định không có nên không đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Sau khi đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm. Sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung*” là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2]. Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn ông Thân Vĩnh H cư trú tại phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1]. Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa bà Hà Thị Kim D và ông Thân Vĩnh H xác lập trên cơ sở tự nguyện, đủ điều kiện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước thẩm quyền là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Bà Hà Thị Kim D xác định trong quá trình chung sống giữa vợ chồng ông bà có phát sinh nhiều mâu thuẫn do ông H nghiện chơi trò chơi điện tử, sử dụng ma túy, thường xuyên gây gỗ, chửi bới, xúc phạm, đe dọa, bạo hành đánh đập bà D, bà D kiên quyết muốn ly hôn. Đối với ông H xác định giữa vợ chồng không có mâu thuẫn như bà D trình bày, ông không tin tưởng bà D về mặt tình cảm, ông xin được đoàn tụ.

Hội đồng xét xử thấy rằng: Đối với các nguyên nhân mâu thuẫn bà D khai thì ông H không thừa nhận, tuy nhiên căn cứ vào văn bản trình bày ý kiến của

người thân của bà D và camera ghi âm ghi hình, hình ảnh tin nhắn điện thoại trong hồ sơ vụ án thể hiện trong thời kỳ hôn nhân ông Thân Vĩnh H đã có hành vi bạo lực về vật chất đánh đập, bạo lực tinh thần xâm phạm danh dự, nhân phẩm làm cho bà D đau khổ, tổn thương đã được họ hàng gia đình bên vợ nhắc nhở nhưng vẫn tái diễn làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Ông Thân Vĩnh H có nguyện vọng muốn được đoàn tụ nhưng ông không có biện pháp giải quyết mâu thuẫn, hàn gắn hạnh phúc gia đình. bà D đã nhiều lần có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, sau đó rút đơn để đoàn tụ nhưng tình trạng hôn nhân của ông bà vẫn chưa được cải thiện, hiện nay ông bà đã sống ly thân. Do đó, xét yêu cầu ly hôn của bà Hà Thị Kim D phù hợp Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình nên cần chấp nhận cho bà Hà Thị Kim D được ly hôn với ông Thân Vĩnh H.

[2.2]. Về con chung: bà Hà Thị Kim D xác định vợ chồng bà có 01 con chung chưa thành niên. Khi ly hôn bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng.

Hội đồng xét xử xét thấy: Cả hai bên đương sự đều có yêu cầu được nuôi con chung. Xét điều kiện nuôi con của các bên đương sự và quyền lợi của con chung thì thấy hiện nay cả hai ông bà đều chưa có nơi cư trú riêng ổn định mà sống cùng gia đình, cả hai đều sắp xếp được thời gian chăm sóc con tuy nhiên về mặt việc làm thu nhập của Dung ổn định hơn nên có điều kiện về kinh tế để nuôi con tốt hơn, con đang trong độ tuổi còn rất nhỏ nên cần sự chăm sóc của người mẹ do đó căn cứ vào Điều 81, 116, 117 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Hà Thị Kim D, giao con chung cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung thành niên.

[2.3]. Về cấp dưỡng nuôi con chung: bà D yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng, đối với ông H không đồng ý ly hôn, trong trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn ông cũng xin được nuôi con nên không đồng ý vấn đề cấp dưỡng. Hội đồng xét xử xét thấy căn cứ vào nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng và điều kiện, khả năng thu nhập của người cấp dưỡng cần chấp nhận buộc ông H cấp dưỡng nuôi con với mức cấp dưỡng 1.500.000 đồng/01 tháng là phù hợp.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: bà Hà Thị Kim D và ông Thân Vĩnh H đều xác định không có tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử

dụng án phí, lệ phí Tòa án thì bà Hà Thị Kim D phải chịu 300.000 đồng án phí tranh chấp hôn nhân và gia đình, ông H phải chịu 300.000 đồng án phí nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

[4]. Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

[5]. Đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng về nội dung vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 116, Điều 117, Điều 118 Luật Hôn nhân gia đình; Điểm a khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung*” của bà Hà Thị Kim D đối với ông Thân Vĩnh H.

1. Về hôn nhân: bà Hà Thị Kim D được ly hôn với ông Thân Vĩnh H (Giấy chứng nhận kết hôn số 92 do Ủy ban nhân dân phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng cấp ngày 25/5/2018 không còn giá trị pháp lý).

2. Về con chung: Giao con chung là Thân Hà Gia V, sinh ngày 17/9/2018 cho bà Hà Thị Kim D trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung thành niên. Ông Thân Vĩnh H cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.500.000đ (Một triệu, năm trăm nghìn đồng). Thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ tháng 8 năm 2022 cho đến khi con chung thành niên.

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật. Khi cần thiết vì lợi ích của con chung, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự.

3. Về án phí:

3.1. Án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp hôn nhân và gia đình: bà Hà Thị Kim D phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm bà Hà Thị Kim D đã nộp theo biên lai thu số: 0003312 ngày 05 tháng 5 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận S, thành phố Đà Nẵng.

3.2. Án phí dân sự sơ thẩm về nghĩa vụ cấp dưỡng: Ông Thân Vĩnh H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

4. Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Sơn Trà;
- Chi cục THADS quận Sơn Trà;
- UBND phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Thị Thúy Hằng